TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 160/2022/DS-PT Ngày: 21-11-2022 *V/v tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản và sức khỏe*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Bà Tô Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022, về việc "*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản và sức khỏe"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST, ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 187/2022/QĐPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh L (Tường L). (Có mặt)

Địa chỉ: Số 188, khóm T, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn D (Có mặt) và bà Lê Thị C (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 100, ấp T, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở hiện nay: Khóm T, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng*:

1. Phan Thị Như Y. Địa chỉ ấp P, xã M, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

2. Lâm Ngọc C. Địa chỉ khóm T, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn trình bày:*

Do có tranh chấp với nhau về đất đai, ngày 12/9/2020 ông Trần Văn D và bà Lê Thị C qua nhà mẹ bà là bà Nguyễn Thị N có lời qua tiếng lại và xảy ra xô xát, ông D đánh bà gây thương tích, bà phải nhập viện điều trị. Trong lúc xô xát thì ông D, bà C làm mất của bà 01 chiếc bông tai nữ trị giá 400.000 đồng, 01 sợi dây chuyền 2,8 chỉ vàng 18kara, 01 mặt dây chuyền 0,3 chỉ vàng 18kara. Tổng số vàng bị mất là 9.000.000 đồng. Việc bà bị đánh và bị mất tài sản trên có cháu Phan Thị Như Y, cháu Lâm Ngọc C chứng kiến sự việc ông D, bà C đánh bà làm bà phải chữa trị tại Trung tâm y tế thị xã N và tại bệnh viện đa khoa Hoàng Tuấn, tổng chi phí hết 190.000 đồng. Bà có trình báo lên Công an Phường H có tổ chức giải quyết, hòa giải động viên các bên nhưng phía ông D, bà C không đồng ý bồi thường cho bà số vàng mà trong lúc xô xát ông D, bà C đã làm mất của bà. Hành vi của ông D, bà C đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của bà và làm mất tài sản của bà. Đối với đoạn camera bà cung cấp cho Tòa án là 5 đoạn: Đoạn đầu là qua cự cãi, đoạn 2 là qua cự cãi và xô xát, đoạn 3 là ông D, bà C qua dỡ nhà và má bà nhào vô can và xô xát, đoạn 4, 5 là bà quay lại thương tích của bà. Phần vàng của bà là đồ cũ đổi lại đồ mới, mua ở chợ Trà Cú lâu quá giá mua là bao nhiêu, giấy tờ cũng không còn giữ. Do ông D đánh bà mới bị mất vàng. Việc trước đây bà có khiếu nại Công an Phường H làm việc thiếu trách nhiệm vì không ai vô tham gia giải quyết vụ việc của bà và ông D hết. Biên bản hòa giải của má bà với bên ông D có dấu hiệu bao che vì sao chép lại chứ không phải biên bản thật vì khi hòa giải không có ông T tham gia nhưng lại có tên ông T. Ông Q có tham gia nhưng biên bản lại không có tên ông Q từ chỗ đó bà mới kiện ra Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay bà cho rằng: Đối với tổng giá trị phần vàng bị mất là 9.400.00 đồng. Bao gồm chiếc bông tai 400.000 đồng; 01 sợi dây chuyền trọng lượng là 2,8 chỉ vàng 18kara; 01 mặt dây chuyền trọng lượng 0,3 chỉ vàng 24kara, còn giá vàng trước đây cụ thể thì bà không biết do từ vàng cũ đổi sang vàng mới, tiệm vàng nói bao nhiêu thì bà trả bấy nhiêu, không còn giữ giấy tờ nên không nhớ chỉ biết cộng chung hết là 9.400.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn D, bà Lê Thị C phải bồi thường tiền thuốc cho bà là 190.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần do ông D, bà C gây ra là 2.000.000 đồng.

Buộc ông Trần Văn D và bà Lê Thị C có trách nhiệm trả cho bà số tiền do mất vàng bao gồm: Tiền chiếc bông tai 400.000 đồng; tiền sợi dây chuyền 2,8 chỉ vàng và mặt dây chuyền 0,3 chỉ vàng 18kara quy ra tiền là 9.000.000 đồng. Tổng cộng là 9.400.000 đồng. Mặc dù thời điểm hiện nay giá vàng có cao hơn so với trước đây nhưng do trước đây theo đơn khởi kiện bà yêu cầu là 9.000.000 đồng

nên nay bà chỉ yêu cầu bồi thường tổng số tiền của phần vàng bị mất là 9.000.000 đồng (tính theo giá bán ra thời điểm bị mất vàng chứ không yêu cầu giá vàng thời điểm hiện tại).

** Bị đơn trình bày:*

Do cô L và mẹ cô L là bà N đánh vợ ông nên ông đè cô L xuống giật cây dao lại, cô L nắm áo ông nên ông xô cô L ra. Việc cô L cho rằng ông đánh cô L thì đều có người cầm máy quay, ông không có đánh cô L. Cô L nói mất vàng mà không có nói tới 02 ngày sau mới nói, những người làm chứng đều là người quen của cô L để vu khống ông, cô L nói mua vàng là mua ở đâu, bao nhiêu là bao nhiêu chứ không có khoản 9.000.000 đồng là ông không đồng ý. Chiếc bông tai bị mất 01 chiếc còn lại 01 chiếc Công an có giữ không. Ông thừa nhận chỉ có xô cô L chứ không có đánh nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của cô L.

Bị đơn bà Lê Thị Ctrình bày:

Bà thống nhất với ý kiến, lời trình bày của ông Trần Văn D. Không đồng ý bồi thường cho bà L.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 65/2022/DS-ST, ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, đã quyết định:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 584, 590 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh L (Tường L) về việc đòi bồi thường thiệt hại sức khỏe và tinh thần với số tiền là 2.190.000 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Buộc ông Trần Văn D bồi thường cho bà Nguyễn Thanh L số tiền 2.190.000 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông D còn phải trả lãi cho bà L theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2]. Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) của bà Nguyễn Thanh L đối với ông Trần Văn D và bà Lê Thị C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 09-9-2022, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa một phần bản án sơ

thẩm theo hướng buộc ông ông Trần Văn D và bà Lê Thị C bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn ông D giữ nguyên ý kiến và bà C vắng mặt không có lý do. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo không cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của các bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị C và những người làm chứng đều đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có tên nêu trên.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản và sức khỏe, tinh thần." là phù hợp và Tòa án nhân dân huyện thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm d khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh xác định được số vàng của bà bị mất trọng lượng bao nhiêu, loại vàng gì như thế nào và hóa đơn mua bán vàng giữa bà và tiệm vàng mà bà đã mua, mặt khác bị đơn cũng không thừa nhận việc có làm mất tài sản của của nguyên đơn. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về trách nhiệm chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và Điều 584 Bộ luật dân sự quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thì phía nguyên đơn không chứng minh được việc mất số vàng như bà L yêu cầu, từ đó

không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn cũng không có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

[5]. Từ những phân tích nêu trên cho thấy không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo nguyên đơn.

[6]. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[8]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST, ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 584, 590 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh L (Tường L) về việc đòi bồi thường thiệt hại sức khỏe và tinh thần với số tiền là 2.190.000 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Buộc ông Trần Văn D và bà Lê Thị C bồi thường cho bà Nguyễn Thanh L số tiền 2.190.000 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông D và bà C còn phải trả lãi cho bà L theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) của bà Nguyễn Thanh L đối với ông Trần Văn D và bà Lê Thị C.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thanh L phải chịu 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng); Ông Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí của bà Nguyễn Thanh L được khấu trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002505 ngày 26/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Như vậy, bà L còn phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thanh L phải nộp 300.000 đồng. Phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002672 ngày 12-9-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Nam, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà L đã nộp xong án phí phúc thẩm.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THA thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định